

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **3857/2023/KDTM-ST**
Ngày: 22/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 112/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4774/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5595/2023/QĐST-KDTM ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA.

Địa chỉ: phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Nguyễn Khánh Đ (Theo Giấy ủy quyền số 01-2023/NVA-LN/UQ01 ngày 10/02/2023) (có mặt)

Địa chỉ: Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH GS. (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KD, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/3/2023, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA trình bày nội dung và yêu cầu:

Ngày 07/03/2022, Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn VA (sau gọi tắt là Công ty Nguyễn VA) và Công ty TNHH GS (sau gọi tắt là Công ty GS) đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài sản để thuê một phần khu nhà xưởng của tài sản tọa lạc tại 307-315 Liên Phường, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (“Hợp đồng”) với diện tích khoảng 1.350 m² (phần kho xưởng trong cùng của khu nhà 307-315 đường Liên Phường, phường Phú Hữu nêu trên).

Theo nội dung của Hợp đồng trên, thời hạn thuê là 60 tháng tính từ ngày 15/03/2022 đến ngày 14/03/2027 và tiền thuê hàng tháng được thanh toán trước từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng (Điều 4 của Hợp đồng).

Tuy nhiên, Công ty GS chỉ thực hiện thanh toán tiền thuê kho xưởng đến hết ngày 30/7/2022. Từ tháng 8/2022, Công ty GS đã không trả tiền thuê đúng hạn và không có bất kỳ thông báo nào tới nguyên đơn.

Ngày 15/11/2022, nguyên đơn cùng Công ty GS đã tiến hành lập Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ. Trong đó hai bên thống nhất số tiền Công ty GS phải thanh toán cho nguyên đơn là 487.569.967 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm tiền thuê kho xưởng từ ngày 01/08/2022 đến ngày 15/11/2022 và số nợ tiền điện với Công ty Điện lực kỳ 11/2022 (nguyên đơn đã thanh toán số tiền điện còn nợ của bị đơn cho Công ty Điện lực (Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH) theo Phiếu thu phí dịch vụ ngày 14/4/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Thủ Đức – Phòng giao dịch Phước Bình).

Hai bên đã thống nhất để nguyên hiện trạng kho tới ngày 30/11/2022, trong khi đó Công ty GS phải thanh toán dứt điểm tiền nợ cho nguyên đơn đến hết ngày 30/11/2022 và tháo dỡ toàn bộ vật dụng, trang thiết bị còn lắp đặt trong kho xưởng. Toàn bộ nội dung thống nhất được ghi nhận trong Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ này, được hai bên ký tên đóng dấu xác nhận.

Mặc dù đã thống nhất thời hạn thanh toán tiền nợ và trả lại kho xưởng nguyên trạng đến hết ngày 30/11/2022, nhưng Công ty GS vẫn không thực hiện theo thỏa thuận. Do đó, ngày 01/12/2022 nguyên đơn gửi tới Công ty GS văn bản Thông báo về việc tháo dỡ đồ đạc tại khu thuê và di chuyển toàn bộ những đồ đạc còn lại của Công ty GS đến một khu vực khác, trả lại mặt bằng như cũ cho nguyên đơn. Chi

phí tháo dỡ, vận chuyển và lưu kho nguyên đơn sẽ tạm ứng trước và Công ty GS sẽ phải thanh toán phần này trước khi nhận lại đồ đạc. Đồng thời nguyên đơn đã gia hạn thời hạn thanh toán toàn bộ tiền nợ đến hết ngày 30/12/2022 nếu không sẽ tiến hành khởi kiện.

Cho đến thời điểm này, Công ty GS vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ và thanh quyết toán Hợp đồng cho thuê tài sản theo nội dung đã thống nhất.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty GS phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 572.435.632 đồng, bao gồm:

- Số tiền công nợ căn cứ theo Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ ngày 15/11/2022 tổng cộng là 487.569.967 đồng;

- Khoản tiền nợ thuê kho tính từ ngày 15/11/2022 đến ngày 30/11/2022 tổng cộng là 66.400.000 đồng theo đơn giá thuê hàng tháng đã thoả thuận trong Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ ngày 15/11/2022;

- Tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 tạm tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 15/03/2023 tổng cộng là 18.465.665 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

- Nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi chậm trả trên tổng số tiền nợ thuê kho của Công ty GS đến ngày mở phiên toà xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là Công ty TNHH GS đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền công nợ còn thiếu theo Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ ngày 15/11/2022 tổng cộng là 487.569.967 đồng; Khoản tiền nợ thuê kho tính từ ngày 15/11/2022 đến ngày 30/11/2022 tổng cộng là 66.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả của tổng số nợ trên tính từ ngày 01/12/2023 cho đến thời điểm xét xử theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Bị đơn vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi. Án phí xem xét theo quy định pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vụ kiện tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022 giữa các chủ thể có mục đích kinh doanh là tranh chấp phát sinh trong kinh doanh thương mại. Công ty Nguyễn VA khởi kiện tranh chấp nợ tiền thuê tài sản (kho xưởng) đối với Công ty GS, có nội dung yêu cầu phù hợp pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có trụ sở hoạt động tại thành phố Thủ Đức nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Công ty GS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022 là hợp đồng có hình thức, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên ký kết hợp đồng.

[3.2] Số tiền theo đối chiếu công nợ: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết với nhau Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022. Ngày 15/11/2022, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ xác nhận tính đến ngày 15/11/2022 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền thuê kho xưởng là 464.800.000 đồng và tiền điện với Công ty Điện lực kỳ tháng 11/2022 số tiền là 22.769.967 đồng, tổng cộng là 487.569.967 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn đồng ý để bị đơn để nguyên hiện trạng kho đến ngày 30/11/2022, phải thanh toán dần và dứt điểm ngày 30/11/2022 và tháo dỡ toàn bộ kho lạnh, văn phòng do bên B lắp đặt trong nhà kho của nguyên đơn.

Do đó, có căn cứ để xác định tính đến ngày 15/11/2022 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền thuê kho xưởng số tiền 464.800.000 đồng.

Đối với số tiền điện bị đơn nợ Công ty Điện lực là 22.769.967 đồng đã được nguyên đơn thay bị đơn thanh toán cho Công ty Điện lực theo Phiếu ủy nhiệm chi ngày 14/4/2023 nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lại số tiền nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Số tiền thuê kho xưởng phát sinh: Bị đơn tiếp tục duy trì tình trạng thuê kho xưởng từ ngày 16/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 15 ngày (1/2 tháng) theo sự thỏa thuận của hai bên. Theo Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022 thể hiện số tiền thuê hàng tháng là 115.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, theo trình bày của nguyên đơn thì bị đơn có thuê thêm một kho nhỏ và các bên thỏa thuận miệng với nhau, tổng giá thuê là 123.000.000 đồng/tháng; theo các Hóa đơn giá trị gia tăng và Giấy báo có thông tin trả tiền thuê kho giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện số tiền thuê kho là 123.000.000 đồng/tháng (chưa tính thuế giá trị gia tăng) và 132.840.000 đồng/tháng (đã tính thuế giá trị gia tăng), bị đơn thanh toán các kỳ thuê kho từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 đều với số tiền 132.840.000 đồng nên ý kiến trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn lập bản đối chiếu công nợ đối với bị đơn xác định tiền còn thiếu tính trên mỗi tháng là 132.800.000 và yêu cầu số tiền thuê phát sinh nửa tháng trên mức giá trên là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, số tiền thuê kho xưởng bị đơn còn nợ nguyên đơn trong thời gian từ ngày 16/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là $132.800.000 \text{ đồng/tháng} \times \frac{1}{2} \text{ tháng} = 66.400.000 \text{ đồng}$.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán cho nguyên đơn nên có cơ sở xác định hiện nay bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là $487.569.967 + 66.400.000 = 553.969.967 \text{ đồng}$. Căn cứ quy định của hợp đồng và Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ ngày 15/11/2022 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

Bị đơn không có đơn phản tố trong vụ án nên giành quyền khởi kiện cho bị đơn trong một vụ án khác liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022 (nếu có tranh chấp)

[3.4] Số tiền lãi chậm thanh toán: Theo Biên bản bàn giao và đối chiếu công nợ xác nhận tính đến ngày 15/11/2022 thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau về việc thanh toán dứt tiền thuê kho xưởng hạn cuối ngày 30/11/2022, tuy nhiên bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận nên nguyên đơn đề nghị tính lãi chậm trả đối với bị đơn trên số tiền công nợ đã thỏa thuận ngày 15/11/2022 và số tiền thuê kho phát sinh từ ngày 15/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là phù hợp theo quy

định của Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Hợp đồng giữa hai bên ký kết không thỏa thuận về lãi suất chậm trả lãi nên mức lãi suất sẽ được tính theo cách tính lãi suất trung bình trên thị trường được hướng dẫn tại Án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì mức lãi suất cho vay trung dài hạn thời điểm hiện tại (thời điểm đưa vụ án ra xét xử) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường cho doanh nghiệp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 10,5%, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 10,5% và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 12,5%. Như vậy, mức lãi suất trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng nói trên ở mức xấp xỉ 11,1667%. Mức lãi suất chậm trả (quá hạn) theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật Ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng là 150% mức lãi suất trung bình. Do đó, lãi suất chậm trả trung bình trên thị trường liên ngân hàng theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 trong vụ án này được tính là $11,1667\% \times 150\% = 16,75\%/năm$ (tức $1,3958\%/tháng$). Do đó, lãi chậm thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là $553.969.967 \text{ đồng} \times 1,3958\% \times 10 \text{ tháng} = 79.127.334 \text{ đồng}$.

Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Tại Hợp đồng cho thuê tài sản ngày 03/7/2022, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ nên thuộc trường hợp áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH GS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể trên số tiền $553.969.967 + 79.127.334 = 663.097.301 \text{ đồng}$. Án phí bị đơn phải chịu là 30.523.892 (ba mươi triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi hai) đồng.

Trả lại cho Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.448.712 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002889 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 472, Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 269, Điều 270, Điều 271 và Điều 306 của Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH GS phải thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA toàn bộ số tiền nợ là 553.969.967 (năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Buộc Công ty TNHH GS phải thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) là 79.127.334 (bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH GS phải thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA là 663.097.301 (sáu trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm lẻ một) đồng.

Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH GS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.523.892 (ba mươi triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi hai)

đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Công ty TNHH đầu tư Nguyễn VA số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.448.712 (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm mười hai) đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0002889 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương